

TÌM HIỂU NỘI DUNG TỤC NGŨ KHMER (QUA SỰ SO SÁNH VỚI TỤC NGŨ NGƯỜI VIỆT) INVESTIGATION INTO THE KHMER PROVERB CONTENTS (IN COMPARISON WITH THE VIETNAMESE PROVERBS)

Nguyễn Thị Kiều Tiên

Trường Đại học Trà Vinh; Email: ntktien82@gmail.com

Tóm tắt: Trong nội dung bài báo này, chúng tôi sẽ bước đầu tìm hiểu những nội dung phản ánh của tục ngữ Khmer. Đó là những nội dung chứa đựng những tri thức về thiên nhiên, lao động sản xuất; về các mối quan hệ trong gia đình, xã hội; những lời khuyên răn về lối sống, về cách ứng xử và kinh nghiệm sống của nhân dân Khmer. Đó là quan niệm đề cao lối sống đúng, lối sống đẹp và phê phán cái ác, cái xấu. Bên cạnh đó, trong quá trình xác định các nội dung phản ánh của tục ngữ Khmer, chúng tôi sẽ có những so sánh tương ứng với tục ngữ người Việt. Qua những tương đồng và khác biệt về nội dung của tục ngữ Khmer và Việt, người nghiên cứu có những cơ sở vững chắc để tìm đến với truyền thống, với bản sắc văn hóa của dân tộc Khmer.

Từ khóa: tục ngữ Khmer; nội dung tục ngữ Khmer; so sánh tục ngữ; tục ngữ Việt; văn học dân gian Khmer.

Abstract: In the scope of this article, we will initially find out the contents that reflect the Khmer proverbs. They are contents about natural knowledge, production labor, family and social relationships, pieces of advice on the Khmer people's ways of living, behaviors and experiences. They are the notions that enhance right and beautiful lifestyles and criticize the evil and the bad. Besides, in the course of determining the contents that reflect the Khmer proverbs, we will make corresponding comparisons with the Vietnamese proverbs. Through the similarities and differences in the contents of the Khmer and Vietnamese proverbs, the researcher has based on solid foundations to look for traditional and cultural identities of ethnic Khmer.

Key words: Khmer proverbs; Khmer proverb contents; compare proverbs; Vietnamese proverbs; Khmer folklore.

1. Đặt vấn đề

Tục ngữ Khmer là tài sản vô giá, là tinh hoa của dân tộc Khmer từ ngàn đời truyền lại và luôn được bồi đắp theo dòng chảy của thời gian, của những biến động trong đời sống văn hóa, xã hội. Vấn đề tìm hiểu, nghiên cứu tục ngữ Khmer cho đến nay, mặc dù đã đạt được những kết quả nhất định nhưng thực tế đòi hỏi phải được tìm hiểu, nghiên cứu thêm và chuyên sâu hơn. Trong đó có vấn đề về nội dung của tục ngữ Khmer.

Tục ngữ của mỗi dân tộc nói chung và tục ngữ Khmer nói riêng được đúc kết từ đời sống cộng đồng của dân tộc Khmer và từ những mối quan hệ với cộng đồng các dân tộc anh em, nhất là với người Việt trên mảnh đất Phương Nam. Lí giải mối quan hệ đó để tìm ra những nét đặc sắc riêng mang bản sắc văn hóa của từng dân tộc qua tục ngữ là một việc làm cần thiết.

2. Nội dung

2.1. Điềm qua một số công trình nghiên cứu nội dung tục ngữ Khmer với hướng tiếp cận so sánh

Khi nghiên cứu văn học dân gian Khmer nói chung, tục ngữ Khmer nói riêng, các nhà nghiên cứu bước đầu có đề cập đến những sự giống và khác nhau về nội dung phản ánh với tục ngữ người Việt.

Năm 1995, tác phẩm “Thành ngữ và Tục ngữ Khmer” là kết quả của hoạt động sưu tầm và nghiên cứu lâu dài của tác giả Sơn Phước Hoan. Trong tác phẩm, tác giả đã tiến hành dịch sát nghĩa từng câu tục ngữ Khmer trong sự đối sánh về mặt cấu trúc, vần, nhịp,... với tiếng Việt. Và ở một số trường hợp, tác giả đã dẫn trích những câu tục ngữ Việt có nghĩa tương đồng để người đọc dễ tiếp thu. Điều này không chỉ có ý nghĩa về sự tiện dụng mà còn có ý nghĩa về mặt khoa học.

Đến năm 2006, trong “Một số câu tục ngữ, ca dao

tiếng Khmer – Việt có nội dung gần giống nhau”, khi giới thiệu những câu tục ngữ Khmer, Trần Thanh Pôn đã có sự liên hệ với những câu tục ngữ Việt có nội dung gần giống. Cũng theo hướng nghiên cứu này, năm 2010, nhóm tác giả Kim Sơn, Lâm Qui, Ngọc Thạch, Trần The đã biên soạn và sưu tầm những thành ngữ - tục ngữ - câu đố Khmer trong tác phẩm “Thành ngữ, Tục ngữ và Câu đố Khmer-Việt”. Đây là một cố gắng đáng ghi nhận của nhóm tác giả khi đã chọn lọc những câu tục ngữ, thành ngữ, câu đố Khmer có ý nghĩa tương ứng với những câu tục ngữ, thành ngữ, câu đố của người Việt. Với những công trình này, các tác giả đã cung cấp cho những nhà nghiên cứu nguồn tư liệu quan trọng trong nghiên cứu so sánh tục ngữ Khmer và tục ngữ Việt.

Về các bài viết liên quan, năm 1997, trong bài “Về tính biểu trưng của thành ngữ, tục ngữ Khmer Nam Bộ”, Phạm Tiết Khánh khi điếm qua nội dung cơ bản của những câu thành ngữ, tục ngữ Khmer có chứa hình ảnh các con vật đã có sự liên hệ với các câu thành ngữ, tục ngữ Việt chứa hình ảnh những con vật tương ứng. Qua sự đối sánh đó, tác giả đã chỉ ra những tương đồng và dị biệt trong việc sử dụng các hình ảnh biểu trưng về loài vật trong thành ngữ, tục ngữ hai dân tộc.

Năm 2007, Lê Đức Đồng trong bài báo “Những nét tương đồng gần gũi giữa thành ngữ, tục ngữ Khmer và thành ngữ, tục ngữ Việt” đã đề cập đến những nét tương đồng trong tình cảm, cách nghĩ, cách đánh giá, nhìn nhận sự việc, hiện tượng của người Khmer và người Việt qua những nét tương đồng trong nội dung phản ánh của thành ngữ, tục ngữ. Theo lý giải của tác giả, nguyên nhân của hiện tượng này là do sự giao thoa văn hóa giữa các dân tộc cùng cộng cư trên mảnh đất Đồng bằng sông Cửu Long, trong đó có những sự tương đồng trong kinh nghiệm trồng trọt, sinh hoạt, đối nhân xử thế.

Năm 2009, trong bài viết “Dấu ấn văn hóa – dân tộc

qua chất liệu biểu trưng của tục ngữ người Việt”, Nguyễn Văn Nở đã tiến hành khảo sát so sánh các câu tục ngữ Việt và tục ngữ các nước, trong đó có tục ngữ Khmer qua những nét dị biệt hoặc sử dụng chất liệu khác nhau trong những câu tục ngữ tương đồng về nội dung biểu đạt. Đến năm 2010, trong bài “Logic ngôn giao trong thành ngữ, tục ngữ Khmer”, qua khảo sát tục ngữ Khmer có chứa quan niệm của đồng bào Khmer trong việc vận dụng ngôn ngữ khi giao tiếp, tác giả cũng đã có sự liên hệ với các câu tục ngữ Việt có nghĩa tương đồng.

Như vậy, những công trình nghiên cứu theo hướng so sánh tục ngữ Khmer và tục ngữ Việt đến nay chỉ dừng lại ở việc khảo sát những tương đồng và dị biệt trên phương diện sử dụng chất liệu biểu trưng và một số nội dung phản ánh của tục ngữ hai dân tộc.

2.2. Nội dung phản ánh của tục ngữ Khmer

2.2.1. Tục ngữ về quan hệ thiên nhiên và lao động sản xuất

Từ xưa, con người đã sống hòa nhập với tự nhiên. Cuộc sống hòa nhập đó đòi hỏi con người phải có sự hiểu biết về tự nhiên để có thể đấu tranh bảo vệ sự sinh tồn, phát triển đời sống của chính mình. Đó là những hiểu biết về dự đoán thời tiết, kinh nghiệm trong quá trình trồng trọt, chăn nuôi, phát triển sản xuất...

Lao động nông nghiệp của người Việt và người Khmer phụ thuộc rất nhiều vào điều kiện thời tiết, khí hậu. Vì thế người dân phải luôn theo dõi, quan sát các hiện tượng thời tiết, chú ý sự diễn biến của thời tiết từng ngày để có sự điều chỉnh kịp thời trong sản xuất. Từ việc quan sát các hiện tượng tự nhiên (như gió, mưa, sấm chớp, trăng, sao,...) và đặc điểm sinh học của một số động vật, thực vật, nhân dân đã rút ra những nhận xét, những phán đoán về thời tiết. Vì thế, trong vốn tục ngữ Việt, những dự đoán này không ít: *Cóc nghiêng răng, đang nắng thì mưa; Chuồn chuồn bay thấp thì mưa/Bay cao thì nắng, bay vừa thì râm*;...

Tuy nhiên, trong tục ngữ Khmer, những câu tục ngữ về dự báo thời tiết lại rất ít: *Kiến bay trời mưa; Nếu nghe trời gầm đừng vội đổ nước đi; Chó sủa chưa bao giờ cắn, trời gầm ầm ầm chưa bao giờ mưa*;... Và hầu hết những dự đoán thời tiết trong tục ngữ Khmer đều về hiện tượng mưa. Sự khác biệt này có thể được lý giải từ địa hình cư trú và sản xuất chủ yếu của người Khmer. Người Khmer ở giai đoạn đầu sống chủ yếu trên các giồng (*Dài đất phù sa nổi lên cao, thường là ven sông*) và cùng với “*buổi đầu cư trú, cư dân còn thưa thớt, nhu cầu tự cung tự cấp cao và đất trên giồng thích hợp với việc làm rẫy*” [10, tr 28]. Chính vì thế mà lũ, lụt, hạn hán,... dường như không phải là nỗi ám ảnh đối với người Khmer.

Như đã đề cập, với địa hình cư trú và điều kiện dân cư, bên cạnh nền nông nghiệp gắn với lúa nước, nguồn lợi kinh tế chủ yếu của người Khmer là hoa màu. Vì vậy, tục ngữ Khmer có rất nhiều câu đề cập đến việc canh tác những loại hoa màu này. Đó là những kinh nghiệm chăm sóc, lượng nước, làm đất, làm cỏ, dự đoán sản lượng: *Làm vườn phải biết chăm sóc, làm ruộng phải biết xem cỏ; Trồng dưa phải chăm sóc, muốn được dưa ăn phải đốt gốc; Hành xem nước, dưa hấu xem dây*;...

Bên cạnh hoa màu, trong canh tác lúa, người nông dân nói chung chú ý nhiều đến giống má, lượng nước, kinh nghiệm làm đất: *Nên tìm giống tốt, gieo xạ lưu lại; Mạ theo đất, gãi theo trai; Làm ruộng nhờ nước, đánh giặc nhờ cơm; Làm ruộng phải xem cỏ, cưới gả con cháu phải xem dòng họ*;... (Tục ngữ Khmer); *Khoai ruộng lạ, mạ ruộng quen; Không nước không phân chuyên cần vô ích; Công cấy công bỏ, công làm cỏ công ăn*;... (Tục ngữ Việt).

Ngoài ra, người nông dân còn chú ý đến yếu tố thời vụ và kinh nghiệm trong dự đoán sản lượng qua hình dáng của cây trồng, qua biểu hiện của thời tiết: *Ngẩng lép, cúi chắc hạt; Trời mưa tốt lúa, trời nắng tốt vườn*;... (Tục ngữ Khmer); *Làm ruộng tháng năm, coi chăm tháng mười; Nắng tốt dưa, mưa tốt lúa; Muốn ăn lúa tháng năm, xem trăng rằm tháng tám*;... (Tục ngữ Việt).

Ngoài những điểm tương đồng trên, tục ngữ người Khmer và người Việt đều có những câu nêu lên lời khuyên về việc lựa chọn loại hình sản xuất cho phù hợp với vốn đất đai của người nông dân: *Đất nhiều làm ruộng, đất ít trồng rau* (Tục ngữ Khmer); *Đất thiếu trồng dưa, đất thừa trồng cau* (Tục ngữ Việt).

Bên cạnh đó, trong tục ngữ người Việt, những kinh nghiệm đúc kết từ các nghề chăn nuôi, đánh bắt vô cùng phong phú. Đối tượng quan tâm của tục ngữ Việt khi nói về chăn nuôi không tản mạn mà thường tập trung vào kinh nghiệm chăn nuôi gia súc, gia cầm: *Muốn giàu nuôi trâu nái, muốn lụn bại nuôi chim bồ câu; Nuôi heo ăn nằm, nuôi tằm ăn đứng; Gà đen chân trắng mẹ mắng cũng mua, gà trắng chân chì mua chi giống ấy*;...

Tuy nhiên, trong tục ngữ Khmer, nội dung này không được chú ý nhiều. Về việc nên nuôi gì và tập tính của vật nuôi, có những câu: *Muốn giàu cho buôn gạo, muốn nghèo cho giết bò; Vịt giống lùn, thích ở thấp*;... Ngoài ra, chúng tôi không tìm thấy những câu về kinh nghiệm chọn giống vật nuôi. Những câu tục ngữ Khmer có sử dụng hình ảnh động vật hoặc đặc tính nào đó của con vật không phải để giúp người nông dân chọn giống hay giúp họ chăn nuôi tốt hơn mà hầu hết thiên về phản ánh con người trong các mối quan hệ: *Chó sủa không bao giờ cắn; Đừng bắt chước cá chドー, loại cá tự ăn con mình*;...

Như vậy, tục ngữ về lao động sản xuất một mặt là những dự đoán về tình hình thời tiết, mặt khác là những kinh nghiệm sản xuất được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Tất cả những kinh nghiệm ấy đã đồng hành cùng nhân dân của hai dân tộc trong suốt quá trình lịch sử.

2.2.2. Phản ánh các mối quan hệ gia đình, xã hội

Tục ngữ ra đời trong lao động và trong hoạt động giao tiếp. Những hành động, cách ứng xử giữa người – người bắt nguồn từ cái gốc văn hoá của họ. Nhiều nét đẹp ứng xử trong các mối quan hệ gia đình và xã hội được lưu truyền qua các thế hệ, trở thành đạo lý, thành lối sống và đã được phản ánh trong tục ngữ các dân tộc nói chung và dân tộc Khmer, Việt nói riêng.

Trước hết, tục ngữ phản ánh các mối quan hệ trong gia đình, bởi gia đình là tế bào của xã hội. Trong đó, quan hệ vợ chồng được xem là hạt nhân cơ bản. Chính vì thế, cả tục ngữ Khmer lẫn tục ngữ Việt đều đề cao mối quan hệ này: *Thương thân cần lựa thức ăn, vợ chồng thương yêu*

phải biết chiều nhau; Canh không ngon miễn canh nóng, vợ đen cũng được miễn biết làm ăn;... (Tục ngữ Khmer); Gái ngoan làm quan cho chồng; Làm ruộng phải có trâu, làm giàu phải có vợ;... (Tục ngữ Việt).

Tuy chế độ phụ hệ đã được xác lập trong cấu trúc gia đình Khmer song tàn dư của chế độ mẫu hệ vẫn chưa hoàn toàn được xóa sạch. Điều này được thể hiện trong cách gọi người đứng đầu phum sóc (đều có từ “me” (mẹ) đứng đầu), các vị thần hộ mệnh gia đình đều là nữ, hay tục ở rể, làm nhà bên vợ,...: *Của còn nhờ phụ nữ khéo tay, gia đình sum vầy nhờ vợ hiền; Đừng học cách nói vượt, vợ giận quá, đừng trả lời ngược; Của nhiều thì có nhiều phúc, vợ tốt thì có nhiều bạn;... (Tục ngữ Khmer).* Vì người vợ có vai trò quan trọng như thế nên dân gian cũng không ít những lời khuyên cho việc chọn vợ, chọn chồng: *Lấy vợ chọn tông, lấy chồng chọn giống;... (Tục ngữ Việt); Làm ruộng phải xem cỏ, cưới gả con cháu phải xem dòng họ; Làm ruộng thất, thất chỉ một năm, lấy vợ, gả chồng sai, sai cả đời;... (Tục ngữ Khmer).*

Gia đình người Khmer là quan hệ một vợ một chồng, người đàn ông là người quyết định chính trong gia đình, chủ yếu là trong sản xuất và giao tiếp xã hội; người phụ nữ quyết định trong quản lý gia đình, nuôi dạy con cái và nội trợ. Nên người đàn ông cũng tự cho mình quan trọng hơn, không chịu thua kém người vợ: *Thua vợ bị hạ nhục, thua kiện hết tài sản; Đừng trông trời, trông sao, đừng nghĩ rằng mẹ không mắc nợ/ Đừng nghĩ rằng vợ không ngoại tình;... Nếu người phụ nữ Việt phản ứng mạnh mẽ chế độ đa thê: *Đôi lòng ăn năm lá sung, chồng một thì lấy, chồng chung thì đừng thì người phụ nữ Khmer cũng cho rằng: Hai vợ, ba bồ, một voi, làm cho khổ thân.**

Tóm lại, tục ngữ Việt và tục ngữ Khmer đều có cách nhìn đúng đắn và nhân ái về người phụ nữ nói chung, về người vợ nói riêng.

Trong tất cả các mối quan hệ, bên cạnh tình cảm vợ chồng thì tình cảm cha mẹ và con cái là mối quan hệ thiêng liêng. Về phương diện này, quan niệm giữa các dân tộc không có nhiều sự khác biệt: *Mẹ cha với con, như hình với bóng; Con ngoan là phước của cha mẹ;... (Tục ngữ Khmer); Có cha có mẹ thì hơn/ Không cha không mẹ như đèn đứt dây; Có nuôi con mới biết lòng cha mẹ;... (Tục ngữ Việt).*

Gia đình có ý nghĩa rất lớn đối với việc hình thành tính cách của trẻ: *Rồi ngang tại cán, con hư tại mẹ (Tục ngữ Khmer); Cha mẹ trông đi con dại/ Cha mẹ trông lại thì con khôn (Tục ngữ Việt).*

Có một điều lý thú là, cả tục ngữ Việt lẫn tục ngữ Khmer đều có những câu tương tự nhau về những tri thức nuôi dạy con cái: *Phải chiều con lúc lên năm, phải biết giáo dục lúc lên mười, đến tuổi mười sáu cần ghi nhớ, lời xưa đã dặn con là bạn; Dạy con, phải tự giáo dục mình làm gương;... (Tục ngữ Khmer); Dạy con từ thuở còn thơ, dạy vợ từ thuở ban sơ mới về;... (Tục ngữ Việt).*

Và tục ngữ của hai dân tộc một lần nữa gặp nhau trong việc quy trách nhiệm cho người mẹ khi con cái hư hỏng: *Con hư tại mẹ, cháu hư tại bà (Tục ngữ Việt); Con tốt nhờ giống nòi, con hư tại cha mẹ (Tục ngữ Khmer).* Nếu tục ngữ Việt cho rằng: *Chết cha ăn cơm với cá/ Chết*

mẹ đội đá lên đường thì tục ngữ Khmer cũng khẳng định: Thà mất cha đừng để mất mẹ; Thà chìm xuống giữa sông đừng để cháy nhà.

Nếu tình thương yêu, lòng vị tha của đẳng sinh thành dành cho con cái vô cùng rộng lớn thì ở chiều ngược lại, chữ “hiếu” vẫn như mạch ngầm chảy suốt cuộc đời của mỗi người con. Trong quan niệm của người Khmer, *tu báo hiếu* là một truyền thống tốt đẹp. Chữ hiếu trong tục ngữ Khmer là sự kết hợp giữa niềm tin dân gian và tinh thần Phật pháp cùng với những gốc rễ sâu xa trong luân lý truyền thống của dân tộc. Theo họ, người con có hiếu phải biết vâng lời dạy bảo của cha mẹ, thương yêu, cung kính, phụng dưỡng cha mẹ: *Kính mẹ trái lời Phật dạy; Giống người dù thấp hèn đến đâu cũng không bỏ tình mẹ cha, lời nói của con người dài hơn đường đi, lúa để lâu năm hư gạo;...*

Bên cạnh đó, tình anh chị em ruột trong tục ngữ người Việt cũng là tình cảm không thể tách rời: *Anh em như chân với tay.* Sự hoà thuận trong anh chị em là cái gốc của sức mạnh và niềm hạnh phúc gia đình: *Em thuận anh hòa là nhà có phúc; Cắt dây bầu dây bí, ai nỡ cắt dây chị dây em.* Những câu phản ánh quan hệ anh chị em ruột trong tục ngữ Khmer không nhiều nhưng cũng phần nào khẳng định tình cảm anh em tốt đẹp: *Buôn gần tốt hơn bán xa, buôn sát bên nhà bảo vệ em gái.*

Dù đề cao quan hệ huyết thống nhưng trong tư duy của người Việt và người Khmer đều trọng sự gần gũi, giúp đỡ lẫn nhau hơn là quan hệ máu mủ: *Bà con gần nếu không thân như kẻ lạ; Bà con và bạn bè, nếu bà con không cần, bạn thân tốt hơn (Tục ngữ Khmer); Bán anh em xa mua láng giềng gần (Tục ngữ Việt).*

Ngoài ra, về quan hệ gia đình, tục ngữ Việt còn phản ánh những mối quan hệ khác: quan hệ mẹ chồng nàng dâu, chị em dâu, chị dâu-em chồng, sui gia, anh em họ: *Giặc bên Ngô không bằng bà cô bên chồng; Chị em dâu như bầu nước lã; Dâu dữ mất họ, chó dữ mất láng giềng; Làm sui một nhà biết ra cả họ;... Nhưng những quan hệ này lại không phổ biến trong tục ngữ Khmer.*

Về truyền thống “tôn sư trọng đạo”: *Một chữ nên thầy, một ngày nên nghĩa; Không thầy đồ mày làm nên (Tục ngữ Việt); Người tự học như người lạc đường giữa đêm khuya; Học trò giỏi nhờ thầy dạy dỗ uốn nắn hằng ngày;... (Tục ngữ Khmer).*

Việc phản ánh mối quan hệ giữa các tầng lớp trong xã hội, dù còn mang tư tưởng chấp nhận, buông xuôi nhưng cũng có những câu mang tư tưởng phản kháng: *Con kẻ thấp trở thành người hầu của vua, con lưu manh thành người thông thái, người nghèo khổ sẽ có của cải, không nên xem thường bất cứ một ai (Tục ngữ Khmer); Con vua thì phải làm vua, còn con nhà nghèo khổ bất cứ ai (Tục ngữ Việt).*

Đối với người Khmer, những tín đồ của Phật giáo Nam tông, quan hệ xã hội của họ còn là mối quan hệ với ngôi chùa, mà sư là hiện thân, hiện tiền của Phật: *Muốn biết học từ Acha, muốn được hoa quả phải chăm sóc cây.*

2.2.3. Phản ánh cách ứng xử và kinh nghiệm sống của nhân dân

Cách suy nghĩ, hành động của nhân dân lao động

trong tục ngữ Khmer và Việt thể hiện tư tưởng nhân đạo chân chính. Họ đề cao đức tính thật thà, cần cù, yêu lao động đồng thời phê phán những thói hư tật xấu cũng như những bất công trong xã hội và khát khao luân lý, chính nghĩa của nhân dân.

Qua tục ngữ của hai dân tộc, chúng ta thấy hình ảnh của những con người cần cù, siêng năng, kiên trì trong lao động, trong cuộc sống: *Công việc hoàn thành nhờ cố gắng, không phải sinh ra đã có ngay; Giận cố gắng nhện, nghèo cố gắng làm;...* (Tục ngữ Khmer); *Có làm thì mới có ăn, không dưng ai dễ mang phần đến cho;...* (Tục ngữ Việt).

Đó còn là đức tính cần kiệm, lo xa: *Nhỏ từng giọt như nước thốt nốt sáng sớm dậy cũng đầy ồng; Muốn thông minh phải cố gắng, thắt chặt lưng quần làm ăn khá; Việc nghèo khó đừng tính dễ, việc tiêu xài thật vô cùng, phải từ từ dùng với phổng, sợ không tới nơi như mong muốn;...* Đó là lối sống đạo đức, nhân nghĩa, tương thân tương ái: *Đừng ăn no chỉ một mình, không tính đến người khác, người ta đói khổ nên để họ cùng ăn cho no;...* (Tục ngữ Khmer); *Lá lành đùm lá rách, Thương người như thể thương thân;...* (Tục ngữ Việt).

Là đức tính trọng danh dự: *Chết vinh hơn sống nhục, Đói cho sạch, rách cho thơm*; là tính thiết thực: *Ăn lấy chắc, mặc lấy bền*; là sự cần cơ: *Liệu cơm gắp mắm* (Tục ngữ Việt); *Bỏ thịt chụp lấy xương, lúc nhai thấy cứng mới quay tìm thịt; Chín đầu ăn đầu, chín đuôi ăn đuôi;...* (Tục ngữ Khmer).

Để làm tròn trách nhiệm phản ánh mọi mặt đời sống xã hội, tục ngữ còn dành một vị trí đáng kể để nhắc nhở những gì chưa tốt trong một bộ phận cư dân. Tục ngữ phê phán thói lười biếng, dưng dưng, thờ ơ, ích kỷ: *Việc sai là ở người làm, kẻ ở không chẳng bao giờ sai; Việc ai nấy biết; Đừng nằm chờ số mạng đừng ý vào tiền kiếp, gắng làm đừng ở không, phải học cho biết đủ nghề;...* (Tục ngữ Khmer); *Cháy nhà hàng xóm bình chân như vại;...* (Tục ngữ Việt).

Những lối sống thiên cận, hư hỏng: *Con ếch ở trong giếng nước, tưởng trời cao chỉ bằng nắp vung, kẻ không có trí thức, cứ cho mình là người giỏi nhất; Kẻ đam mê ba loại: chơi gái, rượu và các loại cá độ làm cho tài sản tiêu tan.* (Tục ngữ Khmer); *Ếch ngồi đáy giếng; Bàn cùng sinh đạo tặc* (Tục ngữ Việt).

Hay lối sống thủ đoạn, hoài nghi, kiêu ngạo: *Chết vì cả tình như dao tự gọt cán; Đừng khoét lỗ để tự hạ thân, đừng ăn mình tìm mưu kế, đừng làm phật lòng vì sự nghi ngờ; muốn ngon phải biết vị ngọt;...* (Tục ngữ Khmer).

Từ đó, trên nền tảng truyền thống, triết lý, tư tưởng dân gian và tôn giáo, cả hai dân tộc đều đưa ra những lời khuyên về cách ứng xử phù hợp: *Đừng sống như ếch, đừng chết như rắn; Thua thành phật, thắng thành thù; Đừng như con bướm quên thân sâu;...* (Tục ngữ Khmer); *Chọn mặt gởi lời, chọn người gởi của; Làm phúc được phúc, làm ơn được ơn;...* (Tục ngữ Việt).

Như vậy, quan niệm sống, cách đối nhân xử thế được thể hiện trong tục ngữ Khmer và Việt đều hướng con người đến cái tốt, cái đẹp. Và những quan niệm này được bắt nguồn từ nền tảng tư tưởng Phật giáo, dù mức độ đậm nhạt khác nhau.

3. Kết luận

Tóm lại, tìm hiểu tục ngữ Khmer từ góc nhìn so sánh không chỉ giúp chúng ta tìm ra những cái giống và khác biệt về mặt nội dung giữa tục ngữ hai dân tộc mà còn trong định hướng tìm đến bản sắc văn hóa của hai dân tộc. Tục ngữ Khmer có giá trị về nhiều mặt, được đúc kết từ đời sống cộng đồng của dân tộc Khmer và về cơ bản có những mối quan hệ tương đồng, gần gũi với tục ngữ người Việt. Nhưng xét trên phương diện nội dung, tục ngữ Khmer và tục ngữ Việt cũng có những khác biệt thuộc về bản chất của ngôn ngữ và văn hóa. Và điều này không nhằm phân bác nhau mà để khẳng định bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam.

Tài liệu tham khảo

- [1] Chu Xuân Diên, Lương Văn Đăng, Phương Tri, *Tục ngữ Việt Nam*, Nxb Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1975.
- [2] Lê Đức Đồng, "Những nét tương đồng gần gũi giữa thành ngữ, tục ngữ Khmer và thành ngữ tục ngữ người Việt", *Tạp san GDĐT Sóc Trăng*, Số 2/2007, 2007.
- [3] Sơn Phước Hoan, *Thành Ngữ và tục ngữ Khmer*, Nxb Giáo dục, 1999.
- [4] Phạm Tiết Khánh, "Về tính biểu trưng của thành ngữ, tục ngữ Khmer Nam Bộ", *Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm TP. HCM*, 11 (45), tr 52-61, 2007.
- [5] Nguyễn Văn Nở, "Logic ngôn giao trong tục ngữ Việt Nam", *Tạp chí Ngôn ngữ & Đời sống*, số 3, 2002.
- [6] Nguyễn Văn Nở, "Dấu ấn văn hóa – dân tộc qua chất liệu biểu trưng của tục ngữ người Việt", *Tạp chí Ngôn ngữ*, số 3, tr. 60-72, 2009.
- [7] Nhiều tác giả, *Tục ngữ, thành ngữ, ca dao và câu đố Khmer*, Nxb Văn hóa Dân tộc, 1999.
- [8] Kim Sơn, Lâm Qui, Ngọc Thạch, Trần The, *Thành ngữ tục ngữ và câu đố Khmer-Việt, tập 1*, Nxb Giáo dục, 2010.
- [9] Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, Nxb Tp Hồ Chí Minh, 2001.
- [10] Huỳnh Ngọc Trảng, Văn Xuân Chí, Hoàng Túc, Đặng Vũ Thị Thảo, Phan Thị Yên Tuyết, *Người Khmer tỉnh Cửu Long*, Nxb Sở Văn hóa-Thông tin Cửu Long, 1987.

(BBT nhận bài: 12/10/2013, phản biện xong: 22/11/2013)